ÁP DỤNG LUẬT MỀM TẠI VIỆT NAM: CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

Nguyễn Hoàng Nam

Thành viên SEAYLP, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ

Học viên Khoa Luật, Trường Kinh tế, Luật và Quản lý Nhà nước, UEH - CELG

Tóm tắt: Về bản chất, luật mềm không phải là luật, do đó không bị hiệu lực pháp lý ràng buộc, mà chỉ mang tính khuyến nghị. Tuy nhiên, sau khi luật mềm được áp dụng rộng rãi trên thực tế sẽ dẫn hình thành quy định tập quán quốc tế hoặc được ghi nhận vào nội dung của các điều ước quốc tế. Luật mềm vừa là cơ hội để bổ sung những lỗ hổng trong quy định còn thiếu sót của pháp luật, thúc đẩy quá trình hội nhập toàn cầu, vừa là thách thức cho các quốc gia trong việc thực thi, vận dụng hài hoà đối với chính sách tố tụng tư pháp. Áp dụng luật mềm trong giải quyết tranh chấp có thể phát triển hơn nữa và trở thành xu hướng áp dụng pháp luật của trọng tài và tòa án Việt Nam trong thời gian tới.

Từ khóa: *luật mềm, tòa án, trọng tài.*

1. Đặt vấn đề

"Luật mềm" (soft law) là thuật ngữ được sử dụng để chỉ các văn bản hay quy định mà bản chất không phải là luật nhưng có tầm quan trọng trong khuôn khổ phát triển luật pháp quốc tế. Đấy là các văn kiện không ràng buộc như luật mẫu, khuyến nghị, hướng dẫn, quy tắc, tiêu chuẩn, thông lệ, tập quán,… được các quốc gia hay các tổ chức quốc tế đưa ra. Hay nói theo nghĩa rộng, luật mềm là bất kỳ công cụ pháp lý quốc tế nào nằm ngoài các nguồn luật quốc tế truyền thống và chứa đựng các nguyên tắc, chuẩn mực hoặc tiêu chuẩn[1]. Nhìn chung, luật mềm có tính chất bổ sung cho pháp luật quốc gia để "làm cứng các nguyên tắc, quy tắc, hướng dẫn mềm".

Trên thế giới, ngày càng nhiều các cơ quan tài phán áp dụng luật mềm trong quá trình tố tụng, gián tiếp đặt ra những nhu cầu về công nhận áp dụng luật mềm trong luật pháp quốc gia và xây dựng, hoàn thiện luật mềm ở phạm vi pháp luật quốc tế. Tiêu biểu như các nhà hoạch định chính sách ở Hoa Kỳ có xu hướng ngày càng dựa vào các cơ chế quản trị theo luật mềm để giải

[1] Dinah Shelton (2006). Normative Hierarchy in International Law, pp 319.

quyết các mối quan tâm xung quanh vấn đề công nghệ mới hơn[2]. Tại Việt Nam, luật mềm chưa được công nhận chính thức là một nguồn luật trong việc áp dụng tố tụng tại cơ quan tòa án. Tuy nhiên, việc phát triển và hoàn thiện pháp luật trọng tài thương mại ở Việt Nam nên theo hướng hội nhập hơn[3]. Cơ quan trọng tài thương mại của nước ta, đại diện là cơ quan trọng tài quốc tế Việt Nam trong thực tiễn đã thực thi một số luật mềm trong quá trình tố tụng. Bài viết này sẽ tập trung trả lời 2 câu hỏi: (1) Cơ hội và thách thức khi áp dụng luật mềm? (2) Luật mềm có nên áp dụng tại các cơ quan tài phán Việt Nam hay không?

2. Tình hình áp dụng luật mềm tại các cơ quan tài phán trên thế giới

Dựa trên những phân tích của các cơ quan tài phán trên thế giới, luật mềm có thể được chia thành 2 loại: (1) luật mềm thực chất và (2) luật mềm thủ tục[4]. Về luật mềm thực chất, trong tố tụng trọng tài, luật mềm thực chất giải quyết cả hai vấn đề về quyền tài phán và giá trị của khiếu nại[5]. Điển hình về luật mềm thực chất có thể kể đến như: Nguyên tắc UNIDROIT về Hợp đồng thương mại quốc tế; Nguyên tắc Lando về Luật hợp đồng châu Âu (PECL); Nguyên tắc thương mại hải quan (lex mercatoria); Bộ quy tắc ứng xử và quản trị doanh nghiệp hoặc Tập quán thương mại[6],…

Không đi sâu điều chỉnh các điều khoản trong nội dung hợp đồng như luật mềm thực chất, luật mềm thủ tục đánh giá các khía cạnh về "thủ tục tố tụng", phổ biến hiện nay là hai công cụ do IBA[7] phát triển, bao gồm: Quy tắc về Chứng cứ trong Trọng tài thương mại quốc tế (năm 1999, sửa đổi năm 2010) và Hướng dẫn về Xung đột lợi ích trong Trọng tài thương mại quốc tế (năm 2014). Ngoài ra, một số luật mềm thủ tục khác cũng được áp dụng như Luật mẫu về Trọng tài thương mại quốc tế UNCITRAL (năm 1985, sửa đổi năm 2006), Quy tắc Trọng tài UNCITRAL (năm 1976, sửa đổi năm 2010), Quy tắc Trọng tài của Phòng thương mại quốc tế ICC (năm 1998, sửa đổi năm 2012).

[2] Thierer, A. D. (2020). Soft Law in U.S. ICT Sectors: Four Case Studies, pp.79.
[3] Ngô Quốc Chiến và Nguyễn Hoàng Anh (2021). Trọng tài thương mại quốc tế và vấn đề luật áp dụng, tr.29.
[4] Felix Lüth & Philipp K.Wagner (2012). Soft Law in International Arbitration – Some Thoughts on Legitimacy, pp.411.
[5] Giovanna Adinolfi (2021). Soft Law in International Investment Law and Arbitration, pp.100.
[6] Elena Corcione (2021). The Role of Soft-Law in Adjudicating Corporate Human Rights Abuses: Interpreting the Alien Tort Statute in the Light of the UN Guiding Principles on Business and Human Rights, pp. 1293-1306.
[7] IBA, viết tắt của Hiệp hội Luật sư Quốc tế, là một tổ chức xã hội nghề nghiệp của hiệp hội luật sư toàn cầu được thành lập vào năm 1947. Hiện nay, IBA có 80.000 thành viên cá nhân là các luật sư từ các công ty luật hàng đầu thế giới và 190 hiệp hội luật sư đến từ 170 quốc gia khác nhau. Với đóng góp của mình cho hoạt động tư pháp quốc tế, IBA là một trong những tổ chức soạn thảo nhiều văn bản quy định phụ (PRT).

Xét về mặt pháp lý, các luật mềm chỉ mang ý nghĩa tham khảo, không có giá trị pháp lý ràng buộc đối với cơ quan tài phán của các quốc gia. Vì vậy, luật mềm không bắt buộc các bên tham gia phải áp dụng. Tuy nhiên, trong thực tiễn tố tụng, nhiều nguyên tắc, quy tắc và thông lệ quốc tế đã được trọng tài viên và những người tham gia trọng tài ở nhiều nước lựa chọn tuân thủ. Căn cứ vào các tài liệu của IBA, các cơ quan tài phán ở các quốc gia châu Âu trên thực tế luật mềm đã được đưa vào áp dụng. Tiêu biểu như Hướng dẫn về xung đột lợi ích được các bên tranh chấp áp dụng cho các lập luận về tính độc lập và khách quan của trọng tài viên hay Quy tắc chứng cứ đề cập đến khi các lập luận về chứng cứ[8]. Theo Nguyên tắc IBA về chứng cứ, các bên và Hội đồng trọng tài có thể áp dụng Quy tắc chứng cứ của IBA, toàn bộ hoặc một phần, khi bắt đầu phân xử trọng tài, hoặc bất kỳ lúc nào sau đó.

Bên cạnh đó, luật mềm có hiệu lực ràng buộc đối với các bên tranh chấp và Hội đồng trọng tài nếu các bên thỏa thuận việc áp dụng luật mềm để giải quyết khi có tranh chấp xảy ra. Thể hiện luật mềm bằng thỏa thuận giữa các bên mang lại mức độ hợp pháp cao bởi ý chí của các bên là trụ cột vững chắc nhất trong hoạt động tố tụng trọng tài[9]. Hiện nay, pháp luật nước ta và hầu hết các quốc gia khác trên thế giới quy định thủ tục tố tụng trọng tài được điều chỉnh bởi các quy tắc do các bên thỏa thuận.

Trong thực tiễn tố tụng, nếu các bên không đạt được thỏa thuận, Hội đồng trọng tài có thể chủ động và toàn quyền quyết định xem xét một hoặc nhiều bộ quy tắc luật mềm. Tại các quốc gia, Hội đồng trọng tài thường áp dụng luật mềm một cách chủ quan. Đơn cử như Tòa án Liên bang Thụy Sĩ có xu hướng tham khảo Nguyên tắc IBA về Xung đột lợi ích trong Trọng tài quốc tế khi xem xét tính độc lập và vô tư của các trọng tài viên[10]. Nhiều cơ quan tài phán tại các quốc gia châu Âu khác cũng vận dụng nguyên tắc IBA trong các vụ tranh chấp giải quyết bằng phương thức trọng tài, ngay cả khi các bên chưa thỏa thuận áp dụng.

3. Cơ hội và thách thức trong việc áp dụng luật mềm

3.1 Cơ hội

[8] Nguyễn Mạnh Dũng (2021). Tranh tụng tại trọng tài quốc tế: Một số hiểu biết về các nguồn luật bổ sung (soft law) trong mối quan hệ với các luật tố tụng trong thủ tục trọng tài quốc tế. Tham khảo tại https://www.viac.vn/thu-tuc-trong-tai/tranh-tung-tai-trong-tai-quoc-te-mot-so-hieu-biet-ve-cac-nguon-luat-bo-sung-soft-law-trong-moi-quan-he-voi-cac-luat-to-tung-trong-thu-tuc-trong-tai-quoc-te-a119.html

[9] Felix Lüth & Philipp K.Wagner (2012). Soft Law in International Arbitration – Some Thoughts on Legitimacy, pp.413.

[10] Gross Balz & Stojiljković Mladen (2015). Chapter 7: The Challenge of an Arbitral Award on the Basis of Para-regulatory Texts (Soft Law), pp.135.

Đối với hoạt động tố tụng trọng tài, ngày nay vai trò của luật mềm trong tố tụng trọng tài ngày càng rõ nét. Cụ thể:

Đầu tiên, luật mềm đóng vai trò là nguồn luật bổ sung trong tố tụng trọng tài quốc tế. Dễ nhận thấy nhất là luật mềm tác động đến cải cách pháp luật quốc gia. Trong đó, luật mẫu UNCITRAL có ảnh hưởng đến trọng tài quốc tế. Tính đến cuối năm 2021, 85 quốc gia đã ban hành luật được mô phỏng dựa theo Luật mẫu UNCITRAL. Chính vì vậy, luật mềm được xem là biện pháp hữu hiệu trong lấp đầy khoảng trống trong luật pháp quốc gia. Các quy tắc luật mềm về thủ tục ngày càng được các trọng tài viên áp dụng để tiến hành các thủ tục tố tụng công bằng và vô tư.

Thứ hai, luật mềm góp phần vào sự vận hành tốt của cơ chế trọng tài. Luật mềm là công cụ cần thiết để khắc phục lỗ hổng trong khác biệt văn hóa giữa các khu vực tài phán. Công ước Liên hợp quốc về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế (CISG) được xem là 1 luật mềm tiêu biểu. Các quy tắc về lựa chọn pháp luật áp dụng trong hợp đồng thương mại quốc tế, CISG và nhiều nguyên tắc, hướng dẫn ở phạm vi quốc tế đã bổ sung vào số lượng ngày càng lớn các luật mềm cho các tổ chức trọng tài quốc tế, góp phần vào thành công trong xây dựng và hài hòa pháp luật[11].

Thứ ba, luật mềm là một trong những giải pháp phù hợp cho các tranh chấp phát sinh trong bối cảnh thương mại quốc tế tồn tại nhiều tranh luận. Luật mềm không chỉ hỗ trợ và hướng dẫn những người hành nghề, đặc biệt là các trọng tài viên, nơi luật và quy tắc trọng tài còn thiếu sót, mà luật mềm còn được áp dụng trong các tranh chấp liên quốc gia dưới hình thức các thỏa thuận (giữa các bên) hoặc linh hoạt áp dụng trong các phiên tố tụng (hầu hết là trọng tài)[12]. Trong những năm gần đây, Hội đồng trọng tài có xu hướng áp dụng luật mềm như nguyên tắc IBA về bằng chứng ngay cả khi các bên không thỏa thuận. Việc áp dụng luật mềm sẽ tạo điều kiện cho hoạt động tố tụng của Hội đồng trọng tài được thuận lợi và cung cấp một số đảm bảo (nguyên tắc, quy tắc ứng xử) cho các bên về việc Hội đồng trọng tài sẽ tôn trọng quyền của các bên đối với thủ tục tố tụng[13]. Đồng thời, cơ quan trọng tài phải xem xét đến việc cân bằng các lợi ích khác nhau liên quan đến áp dụng luật mềm trong quá trình tố tụng.

---

[11] Bộ tư pháp (2015). Các quy tắc về lựa chọn pháp luật áp dụng trong hợp đồng thương mại quốc tế. Tham khảo tại https://moj.gov.vn/tttp/tintuc/Pages/tin-tuc-su-kien.aspx?ItemID=73

[12] Mehveş Erdem (2017). Turkey: Soft Law In International Arbitration. Available at https://www.mondaq.com/turkey/arbitration-dispute-resolution/575696/soft-law-in-international-arbitration

[13] Gabrielle Kaufmann-Kohler (2010). Soft Law in International Arbitration: Codification and Normativity. Journal of International Dispute Settlement, pp.7.

Đối với hoạt động tố tụng tòa án, luật mềm đóng vai trò quan trọng trong điều chỉnh pháp luật quốc tế. Luật mềm gắn liền với luật quốc tế ở hầu hết các nghị quyết, tuyên bố của Đại hội đồng Liên hợp quốc, tiêu biểu như: Tuyên ngôn quốc tế Nhân quyền năm 1948, các nguyên tắc đối xử tối huệ quốc,… Theo Nghị quyết 2205 của Đại hội đồng Liên hợp quốc, Luật mẫu UNCITRAL có nhiệm vụ thúc đẩy quá trình hài hòa hóa và thống nhất tiến bộ của pháp luật quốc gia trong thương mại quốc tế, cụ thể là giảm bớt hoặc loại bỏ những trở ngại đối với dòng chảy thương mại quốc tế do sự khác biệt trong luật pháp quốc gia[14].

Thông qua việc cung cấp đánh giá về luật mềm như một kỹ thuật để kiểm soát chống rửa tiền mang tính trấn áp và phòng ngừa, luật mềm giúp phòng chống rửa tiền[15]. Ngoài ra, Luật mềm còn giữ vai trò thúc đẩy trong việc phát triển Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (CSR)[16]. Qua đó, Việt Nam sẽ gia tăng cơ hội thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài (FDI) vào Việt Nam bằng việc công nhận áp dụng luật mềm.

3.2 Thách thức

Tuy vậy, không thể không kể đến những thách thức nếu các quốc gia, trong đó có Việt Nam công nhận luật mềm chính thức là một trong những nguồn luật. Xét ở khía cạnh quyền lực, luật mềm là một công cụ mà giới tinh hoa trọng tài duy trì quyền lực và sự kiểm soát của mình đối với trọng tài quốc tế[17]. Đặc điểm khác biệt nhất của luật mềm so với luật cứng là hiệu lực không ràng buộc. Theo đó, nếu quy định của luật cứng có sự ràng buộc trong việc thực thi thì luật mềm hầu hết là không bắt buộc. Chính vì vậy, áp dụng luật mềm đa phần sẽ tùy thuộc vào sự lựa chọn của cơ quan tài phán quốc gia.

Luật mềm trong trọng tài quốc tế đặt ra các vấn đề về tính hợp pháp. Các quy tắc luật mềm cần đảm bảo cho các bên liên quan trong vụ tranh chấp được áp dụng các nguyên tắc, quy tắc, thông lệ đều có cơ hội công bằng ngang nhau. Điều 11 Quy tắc UNCITRAL quy định rằng trọng tài viên phải tiết lộ bất kỳ trường hợp nào có khả năng làm nảy sinh nghi ngờ chính đáng về tính vô tư hoặc độc lập khi áp dụng pháp luật. Mặt khác, Khoản 4 Điều 20 Quy tắc ICC yêu cầu trong mọi trường hợp, Hội đồng trọng tài cần hành động một cách công bằng, vô tư và đảm bảo rằng

[14] Nghị quyết Đại hội đồng 2205 (XXI) ngày 17/12/1966.
[15] Ebikake, E. (2016). Money laundering: An assessment of soft law as a technique for repressive and preventive anti-money laundering control, pp. 347.
[16] Nguyen Binh An & Phan Thong Anh (2023). Laws on Corporate Social Responsibility and the Developmental Trend in Vietnam, Springer Singapore.
[17] Felix Lüth & Philipp K.Wagner (2012). Soft Law in International Arbitration – Some Thoughts on Legitimacy, pp.418.

mỗi bên có một cơ hội hợp lý để trình bày trường hợp của mình. Mặc dù luật và quy tắc trọng tài đưa ra một số tiêu chuẩn, nhưng nội dung trong những hướng dẫn còn thiếu chi tiết và chưa đồng nhất trong cách hiểu và áp dụng. Vì vậy, trên thực tế nhiều thành viên trọng tài quốc tế có cách áp dụng các tiêu chuẩn khác nhau trong việc đưa ra quyết định[18]. Để giải quyết thách thức này, nhiều quan điểm cho rằng trọng tài cần áp dụng các luật mềm một cách thận trọng.

4. Tính khả thi đối với thúc đẩy áp dụng luật mềm tại Việt Nam

Trước đây, một số cuộc khảo sát đã được thiết lập. Vào tháng 06/2015, cuộc khảo sát ở phạm vi toàn cầu về việc áp dụng các quy tắc IBA trong cơ quan trọng tài được thực hiện. Kết quả cho thấy Quy tắc bằng chứng được áp dụng phổ biến nhất, chiếm tỷ lệ 57% tổng số vụ việc trọng tài được báo cáo trong khảo sát. Thứ hai là nguyên tắc xung đột lợi ích với 48% trường hợp. Thứ ba là nguyên tắc về đại diện của các bên chỉ chiếm 16% tổng các trường hợp trong khảo sát. Các nguyên tắc IBA khác chiếm tỷ lệ nhỏ.

Tại Việt Nam, dựa trên nguyên tắc các vấn đề không được quy định trong Luật Trọng tài Thương mại 2010 sẽ được điều chỉnh chủ yếu bởi (1) quy tắc trọng tài (VIAC, ICC, SIAC, HKIAC,…); (2) thỏa thuận trọng tài của các bên; (3) thông lệ trọng tài quốc tế của các hiệp hội nghề nghiệp (IBA, ICCA)[19]. Trong mọi trường hợp, việc áp dụng các nguyên tắc luật mềm không được trái với các quy định của luật tố tụng trọng tài, quy tắc trọng tài thương mại và thỏa thuận của các bên tranh chấp.

Áp dụng tập quán quốc tế được thừa nhận là một nguồn của luật quốc gia, quy định tại Điều 5 Bộ luật dân sự 2015[20]. Về áp dụng tập quán quốc tế, theo Điều 666 Bộ luật dân sự 2015 thì các bên được lựa chọn tập quán quốc tế trong trường hợp Việt Nam là thành viên hoặc luật Việt Nam có quy định các bên có quyền lựa chọn. Nếu hậu quả của việc áp dụng tập quán quốc tế đó trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam thì pháp luật Việt Nam được áp dụng.

Tính khả thi của luật mềm tại Việt Nam có thể được xem xét thông qua những khảo nghiệm với đối tượng là các trọng tài viên, thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư; mở rộng đối với giảng viên, người hành nghề luật khác và cộng đồng người dân. Bước đầu nên tiến hành dưới hình thức khảo sát 4 đối tượng áp dụng pháp luật chính là trọng tài viên, thẩm phán, kiểm sát viên và luật sư. Tác

[18] Edna Sussman (2014). Part III: Ethics in International Arbitration: Soft Law Guidance for Arbitrators and Party Representatives.

[19] Nguyễn Mạnh Dũng (2020). Một số hiểu biết về các nguồn luật bổ sung trong tố tụng trọng tài quốc tế. Tham khảo tại https://lsvn.vn/mot-so-hieu-biet-ve-cac-nguon-luat-bo-sung-trong-to-tung-trong-tai-quoc-te.html

[20] Tập quán quốc tế là một trong những luật mềm thực chất và chỉ được coi là nguồn của luật quốc tế khi nào thỏa mãn các điều kiện pháp lý nhất định.

giả xin đề xuất bảng khảo sát dưới dạng thang đo Likert 4 cấp độ bao gồm: (1) thang đo nhận thức, (2) thang đo quan điểm và (3) thang đo phương thức, cụ thể như sau:

Bảng 1. Thang đo nhận thức về luật mềm

Các luật mềm	Biết	Biết và đã áp dụng	Biết nhưng chưa áp dụng	Không biết
Nguyên tắc UNIDROIT về Hợp đồng thương mại quốc tế				
Nguyên tắc Lando về Luật hợp đồng châu Âu				
Nguyên tắc thương mại hải quan				
Tập quán thương mại				
Quy tắc IBA về Chứng cứ trong Trọng tài thương mại quốc tế				
Hướng dẫn IBA về Xung đột lợi ích trong Trọng tài thương mại quốc tế				
Luật mẫu về Trọng tài thương mại quốc tế UNCITRAL				
Quy tắc Trọng tài UNCITRAL				
Quy tắc Trọng tài của Phòng thương mại quốc tế ICC				

Bảng 2. Thang đo quan điểm về áp dụng luật mềm

Áp dụng luật mềm có lợi hay không?	**Có lợi**	**Bất lợi**	**Vừa có lợi, cũng vừa bất lợi**	**Không ý kiến**
Anh/chị có đồng ý áp dụng luật mềm tại Việt Nam hay không?	**Đồng ý**	**Trung lập**	**Không đồng ý**	**Không ý kiến**

Bảng 3. Thang đo phương thức áp dụng luật mềm

Luật mềm áp dụng có thể thể hiện dưới các hình thức nào?	Văn bản	Thông điệp dữ liệu	Lời nói hoặc hành vi	Chỉ văn bản
Thời gian đầu, cơ quan tài phán Việt Nam nên triển khai áp dụng luật mềm nào?	Luật mềm thủ tục	Luật mềm thực chất	Cả luật mềm thủ tục và luật mềm thực chất	Không nên triển khai áp dụng

Số lượng câu hỏi trong bảng khảo sát trên là không giới hạn và có thể được mở rộng trong thời gian tới. Thông qua đó, các nghiên cứu tiếp theo sẽ triển khai thực hiện để xem xét nhu cầu của các đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tư pháp về tính khả thi trong thúc đẩy áp dụng luật mềm tại nước ta.

5. Thay lời kết

Tiềm năng cho phát triển và áp dụng luật mềm tại Việt Nam là rất lớn. Bên cạnh những cơ hội khỏa lấp và hoàn thiện những điều khoản, quy định mà các nguồn luật hiện hành chưa bao quát, đầy đủ, việc công nhận áp dụng luật mềm cũng tồn tại nhiều thách thức cho ngành tư pháp nói chung và những người hành nghề trọng tài nói riêng. Để chuẩn bị đưa luật mềm vào hoạt động tố tụng, Việt Nam cần có nhiều hơn nữa những nghiên cứu lý luận, khảo sát nghiên cứu nhằm phân tích giá trị của mỗi luật mềm cụ thể, tìm hiểu nhu cầu của cá nhân, tổ chức trong cộng đồng. Qua đó, lên kế hoạch triển khai luật mềm vào đời sống kinh tế - xã hội theo từng giai đoạn và linh hoạt sửa đổi, bổ sung khi cần thiết. Ngoài ra, cơ quan tài phán Việt Nam nên thiết lập quy định nội dung minh bạch rõ ràng, trong đó ghi rõ nguồn luật mềm áp dụng trong quy định pháp luật và điều khoản trọng tài mẫu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Adinolfi, G. (2021). Soft Law in International Investment Law and Arbitration. *The Italian Review of International and Comparative Law*, 1(1), pp.86-112.

2. Bộ tư pháp (2015). *Các quy tắc về lựa chọn pháp luật áp dụng trong hợp đồng thương mại quốc tế.* Tham khảo tại https://moj.gov.vn/tttp/tintuc/Pages/tin-tuc-su-kien.aspx?ItemID=73.

3. Balz, G. & Mladen, S. (2015). *Chapter 7: The Challenge of an Arbitral Award on the Basis of Para-regulatory Texts (Soft Law).* Editor: Daniele Favalli, The Sense and Non-sense of Guidelines, Rules and other Para-regulatory Texts in International Arbitration, ASA Special Series No.37, pp.127-138.

4. Corcione, E. (2021). The Role of Soft-Law in Adjudicating Corporate Human Rights Abuses: Interpreting the Alien Tort Statute in the Light of the UN Guiding Principles on Business and Human Rights. *European Papers*, 6(3), pp.1293-1306.

5. Ebikake, E. (2016). Money laundering: An assessment of soft law as a technique for repressive and preventive anti-money laundering control. *Journal of Money Laundering Control*, 19(4), pp.346-375.

6. Erdem, M. (2017). *Turkey: Soft Law In International Arbitration.* Available at https://www.mondaq.com/turkey/arbitration-dispute-resolution/575696/soft-law-in-international-arbitration.

7. Kohler, G. K. (2010). Soft Law in International Arbitration: Codification and Normativity. *Journal of International Dispute Settlement,* 1(2), pp.1-17.

8. Lüth, F. & Wagner, P. K. (2012). Soft Law in International Arbitration – Some Thoughts on Legitimacy. *Academic Journal Studentische Zeitschrift für Rechtswissenschaft Heidelberg (StudZR),* pp.409-422.

9. Nghị quyết số 2205 của Đại hội đồng Liên hợp quốc (XXI) ngày 17/12/1966, tham khảo phiên bản tiếng Anh tại https://digitallibrary.un.org/record/203421?ln=en.

10. Nguyễn Mạnh Dũng (2020). *Một số hiểu biết về các nguồn luật bổ sung trong tố tụng trọng tài quốc tế.* Tham khảo tại https://lsvn.vn/mot-so-hieu-biet-ve-cac-nguon-luat-bo-sung-trong-to-tung-trong-tai-quoc-te.html.

11. Ngô Quốc Chiến và Nguyễn Hoàng Anh (2021). Trọng tài thương mại quốc tế và vấn đề luật áp dụng. *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp,* 01(425), tr.21-29.

12. Nguyễn Mạnh Dũng (2021). *Tranh tụng tại trọng tài quốc tế: Một số hiểu biết về các nguồn luật bổ sung (soft law) trong mối quan hệ với các luật tố tụng trong thủ tục trọng tài quốc tế.* Tham khảo tại https://www.viac.vn/thu-tuc-trong-tai/tranh-tung-tai-trong-tai-quoc-te-mot-so-hieu-biet-ve-cac-nguon-luat-bo-sung-soft-law-trong-moi-quan-he-voi-cac-luat-to-tung-trong-thu-tuc-trong-tai-quoc-te-a119.html.

13. Quốc hội (2010). Luật Trọng tài thương mại số 54/2010/QH12 ban hành ngày 17/06/2010.

14. Quốc hội (2015). Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ban hành ngày 24/11/2015.

15. Shelton, D. (2006). Normative Hierarchy in International Law. *The American Journal of International Law*, 100(2), pp.291-323.

16. Sussman, E. (2014). *Part III: Ethics in International Arbitration: Soft Law Guidance for Arbitrators and Party Representatives*. Editor: Lawrence W. Newman & Michael J. Radine, Soft law in International Arbitration.

17. Thierer, A. D. (2020). Soft Law in U.S. ICT Sectors: Four Case Studies. Jurimetrics Journal, 61(1), pp.79-119.